

THỰC TRẠNG TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID - 19 TỚI TÂM LÝ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH NĂM 2021 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Lê Thị Ngọc Thúy*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng tác động của dịch Covid - 19 tới tâm lý của sinh viên Trường đại học điều dưỡng Nam Định năm 2021. Xác định một số yếu tố liên quan đến tâm lý của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định dưới tác động của dịch Covid - 19. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 1687 sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định từ tháng 02/2021 đến tháng 4/2021. **Kết quả:** Điểm trung bình chung sự sợ hãi về Covid -19 là $26,26 \pm 6,048$. Có mối liên quan thống kê giữa tuổi, kiến thức và theo dõi sức khỏe thường xuyên với sự sợ hãi về Covid - 19 của sinh viên, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. **Kết luận:** Dịch Covid - 19 đã tác động đến tâm lý của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Từ khóa: sự sợ hãi, Covid - 19, tâm lý, sinh viên.

SUMMARY

THE STATUS IMPACT OF THE COVID-19 EPIDEMIC ON THE PSYCHE OF NAM DINH UNIVERSITY OF NURSING STUDENTS IN 2021 AND SOME RELATED FACTORS

Objective: Describe the actual impact of the Covid-19 epidemic on the psychology of students at Nam Dinh University of Nursing in 2021 and some related factors. **Method:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 1687 students of Nam Dinh University of Nursing from February 2021 to April 2021. **Results:** The average overall fear score about Covid -19 is $26.26 \pm 6,048$, of which low fear level accounts for 42.3% and high fear level is 57.7%. There is a statistical relationship between age, knowledge and regular health monitoring with students' fear of Covid - 19, the difference is statistically significant with $p < 0.05$. **Conclusion:** The Covid-19 epidemic has affected the psychology of students at Nam Dinh University of Nursing.

Keywords: fear, Covid - 19, psychology, students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dịch bệnh COVID - 19 do Virus Corona chủng mới gây nên, bùng phát tại Vũ Hán từ tháng 12 năm 2019 sau đó lan ra hơn 200 quốc gia trên toàn thế giới với tỷ lệ lây truyền từ người sang

người ngày càng gia tăng. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã tuyên bố đại dịch vào ngày 11 tháng 3 năm 2020. COVID - 19 là một trong những bệnh lây lan nhanh và dễ lây lan nhất trong lịch sử. Đại dịch COVID - 19 này tiếp tục diễn ra, vượt qua biên giới đến tất cả các lục địa và xâm chiếm hầu hết toàn cầu, nó ảnh hưởng đến hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ rất xa so với nguồn gốc xuất phát của nó ở Vũ Hán, Trung Quốc, vào tháng 12 năm 2019. Tại Việt Nam, đã trải qua 4 làn sóng dịch với số ca mắc, tử vong và số ca nguy kịch cao nhất từ trước tới nay. Đại dịch kéo dài gần hai năm đã gây ra sự gián đoạn chưa từng có trong các hệ thống chăm sóc sức khỏe và nền kinh tế.

Đối mặt với những thay đổi đột ngột cùng với mối đe dọa nhiễm Covid - 19 có thể sẽ có tác động sâu sắc đến các vấn đề liên quan đến sức khỏe của mỗi người trên khắp thế giới. Thực tế, một số người dân có thể có cảm giác tận thế trong suốt thời gian kinh hoàng này. Một số người xem thời điểm này là khoảng thời gian thảm khốc nhất họ từng trải qua. Do đó, đại dịch Covid - 19 đã làm suy giảm nghiêm trọng sức khỏe tâm thần và tác động lớn đến tâm lý xã hội. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn thiếu các dữ liệu về những tác động liên quan đến sức khỏe đã gây ra bởi đại dịch Covid - 19 trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Bên cạnh những ảnh hưởng của đại dịch tới các mặt của xã hội, thì nó cũng ảnh hưởng tới ngành giáo dục, Theo tổ chức UNESCO tính đến ngày 8/4/2020, trên thế giới có gần 1,6 tỉ học sinh và sinh viên bị ảnh hưởng; 188 quốc gia buộc phải đóng cửa các trường học trên toàn quốc, gây tác động đến 91,3% tổng số học sinh, sinh viên trên toàn thế giới. Việc đóng cửa đột ngột các trường học, cao đẳng và đại học đã làm gián đoạn các hoạt động giảng dạy và học tập. Không những vậy, nó còn ảnh hưởng tới đời sống, tâm lý và sức khỏe của học sinh, sinh viên nói chung.

Xuất phát từ lý do trên nhóm nghiên cứu chúng tôi thực hiện nghiên cứu đề tài với mục tiêu: Mô tả thực trạng tác động của dịch Covid - 19 tới tâm lý của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm 2021. Xác định một số yếu tố liên quan đến tâm lý của sinh viên Trường

*Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định
 Chịu trách nhiệm chính: Lê Thị Ngọc Thúy
 Email: ngocthuyl35@gmail.com
 Ngày nhận bài: 23.5.2022
 Ngày phản biện khoa học: 1.7.2022
 Ngày duyệt bài: 11.7.2022

Đại học Điều dưỡng Nam Định dưới tác động của dịch Covid – 19.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là sinh viên đại học chính quy đang học tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Tiêu chuẩn lựa chọn:

- Là sinh viên đại học chính quy hiện đang học tập tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.
- Có mặt tại Trường trong thời gian nghiên cứu.
- Đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu

Tiêu chuẩn loại trừ

- Sinh viên đang đi thực tập tại các bệnh viện ngoài tỉnh Nam Định trong thời gian nghiên cứu.
- Sinh viên nghỉ học tạm thời, bảo lưu, thôi học.
- Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Địa điểm nghiên cứu: Tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.
- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 12/2020 đến tháng 06/2021. Thời gian thu thập số liệu và xử lý số liệu từ tháng 02/2021 đến tháng 04/2021.

Thiết kế nghiên cứu. Nghiên cứu mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu. Lấy toàn bộ sinh viên đại học chính quy thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn để tiến hành nghiên cứu.

2.2 Phương pháp thu thập số liệu

Phương pháp và các bước thu thập số liệu

*Các bước thu thập số liệu:

- Bước 1: Lập danh sách sinh viên phù hợp với tiêu chuẩn nghiên cứu.
- Bước 2: Nghiên cứu viên cùng với nhóm cộng tác viên gặp trực tiếp các đối tượng nghiên cứu tại mỗi giờ học thực hành/ lý thuyết của lớp đó ở trường. Sau đó giải thích mục đích và ý nghĩa của nghiên cứu; trình tự và các bước tham gia nghiên cứu, sau đó được hướng dẫn trả lời các thông tin trong phiếu điều tra. Thông báo với đối tượng nghiên cứu về các thông tin cá nhân được bảo mật và câu trả lời của họ sẽ chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Nếu đối tượng nghiên cứu đồng ý tham gia nghiên cứu thì ký vào bản đồng thuận. Hoạt động này được thực hiện vào mỗi giờ giải lao hoặc đầu hoặc cuối mỗi buổi học sau khi sinh viên học xong.
- Bước 3: Phát cho sinh viên bộ câu hỏi tự điền về tác động của dịch Covid – 19 tới tâm lý của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, sinh viên hoàn thành bộ câu hỏi trong thời gian từ 20 -30 phút.

2.3 Tiêu chuẩn đánh giá

Tác động của dịch Covid – 19 tới tâm lý sợ hãi của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng

Nam Định được đánh giá qua bộ câu hỏi về sự sợ hãi của đối tượng nghiên cứu đối với đại dịch covid – 19 bao gồm:

+ Mức độ sợ hãi của đối tượng nghiên cứu: gồm 11 câu hỏi được đánh giá dựa trên thang đo Likert 11 điểm (từ 0-thấp nhất đến 10-cao nhất). Mức độ sợ hãi của họ liên quan đến bệnh tật và các yếu tố bất lợi chẳng hạn như Covid – 19, ung thư, tai nạn giao thông, cuộc sống thiếu xã hội, mất người thân trong gia đình, Thang điểm yếu tố sợ hãi cho phép tham khảo để giải thích mức độ sợ hãi của COVID - 19 liên quan đến các bệnh khác và các yếu tố bất lợi. Mức độ sợ hãi sẽ được đánh giá bằng tổng điểm trên các câu hỏi, tổng điểm sẽ dao động từ 0 đến 110 điểm, tổng điểm càng cao thì mức độ sợ hãi càng cao.

+ Thước đo sự sợ hãi của đối tượng nghiên cứu: gồm 8 câu hỏi đã được chỉnh sửa để đánh giá mức độ sợ hãi với Covid - 19, mỗi câu được đánh giá theo thang đo Likert 5 điểm. (1= rất không đồng ý, đến 5= rất đồng ý). Sự sợ hãi sẽ được đánh giá bằng tổng điểm của đối tượng nghiên cứu trên các câu hỏi, tổng điểm sẽ dao động từ 8 đến 40 điểm, tổng điểm càng cao thì sự sợ hãi càng cao.

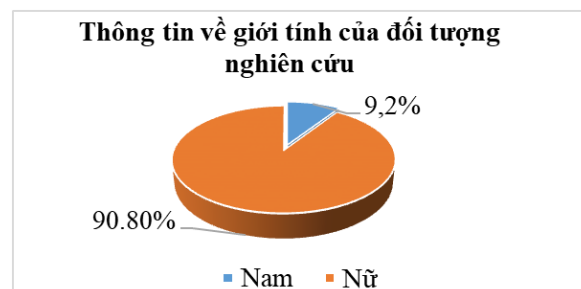
2.4 Phân tích số liệu

- Các số liệu sau khi điều tra được nhập vào máy tính và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 22.0.

- Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu, sự sợ hãi của sinh viên được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả bao gồm tần suất và tỷ lệ. Tìm hiểu mối liên quan của các yếu tố sử dụng phép so sánh giữa các giá trị trung bình t- student đối với hai nhóm hoặc ANOVA đối với từ ba nhóm trở lên.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu



Biểu đồ 1. Biểu đồ về thông tin giới tính của đối tượng nghiên cứu

Nhận xét: Theo số liệu ở biểu đồ 1ta thấy có 155 đối tượng tham gia nghiên cứu là nam chiếm

tỷ lệ 9,2%, và 1532 đối tượng là nữ chiếm tỷ lệ 90,8%.

Bảng 1. Thông tin về tuổi và năm học của đối tượng nghiên cứu

Thông tin chung	Số lượng(n)	Tỷ lệ(%)	
Tuổi	18	221	13,1
	19	491	29,1
	20	241	14,3
	21	367	21,8
	22	325	19,3
	>22	42	2,5
Sinh viên năm thứ	1	633	37,5
	2	310	18,4

	3	396	23,5
	4	348	20,62
Tổng số		1687	100

Nhận xét: Trong tổng số 1687 đối tượng tham gia nghiên cứu sinh viên 19 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất 29,1%, sinh viên có độ tuổi trên 22 chiếm tỷ lệ thấp nhất 2,5%. Có 37,5% đối tượng tham gia nghiên cứu là sinh viên năm thứ 1 và 18,4% đối tượng tham gia nghiên cứu là sinh viên năm thứ 2.

3.2. Tác động của Covid – 19 tới tâm lý của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm 2021.

Bảng 2. Thước đo sự sợ hãi của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đối với dịch covid – 19

Y kiến	Tỷ lệ phần trăm (%)					Điểm trung bình X±SD
	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý	
1. Làm tôi sợ	2,1	5,7	27,1	49,9	15,2	3,70 ± 0,869
2. Tôi cảm thấy căng thẳng	2,3	9,8	34,1	42	11,8	3,51 ± 0,905
3. Tôi cảm thấy lo ngại, bối rối	2,4	11,1	33,4	42,7	10,4	3,47 ± 0,910
4. Tôi bị trầm cảm	13	37,5	26,7	16,9	5,9	2,65 ± 1,087
5. Tôi cảm thấy hốt hoảng	6,5	24,6	36,5	25,2	7,3	3,02 ± 1,024
6. Tim tôi đập nhanh hơn	8	32,8	32,7	20,7	5,7	2,83 ± 1,029
7. Tôi cảm thấy không yên tâm	3,7	11,1	29,9	45,8	9,4	3,46 ± 0,940
8. Tôi cảm thấy lo lắng	2,5	8,4	27,6	49,5	12	3,60 ± 0,895
Tổng điểm trung bình chung			26,26 ± 6,048			
Min – Max			8,00 – 40,00			

Nhận xét: Trong các sự sợ hãi về Covid - 19, khi nghĩ về Covid - 19 làm đối tượng nghiên cứu sợ là lớn nhất, tiếp đến là làm đối tượng nghiên cứu lo lắng, căng thẳng, không yên tâm tiếp đến là lo ngại, bối rối, hốt hoảng, tim đập nhanh hơn, và cuối cùng là trầm cảm. Điểm số trung bình chung cho sự sợ hãi của đối tượng nghiên cứu đối với dịch Covid – 19 là 26,26 ± 6,048.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến sự sợ hãi của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm 2021.

Bảng 2. Mối liên quan giữa giới tính, theo dõi sức khỏe và sự sợ hãi của sinh viên đối với dịch Covid – 19

Nội dung	Số lượng (n)	Điểm TB ± SD	F	p
Giới tính				
Nam	155	25,59 ± 7,88	32,386	0,26
Nữ	1532	26,33 ± 5,83		
Theo dõi sức khỏe				
Có	1601	26,36 ± 5,99	0,289	0,002
Không	86	24,31 ± 6,65		

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu cho thấy, chưa tìm thấy mối liên quan giữa giới tính và sự

sợ hãi của sinh viên đối với dịch Covid – 19. Ngược lại, có mối liên quan giữa việc thường xuyên theo dõi sức khỏe với sự sợ hãi của sinh viên đối với dịch covid – 19, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p < 0,05.

Bảng 3. Mối liên quan giữa tuổi, năm học và sự sợ hãi của sinh viên đối với dịch Covid – 19

Nội dung	Số lượng (n)	Điểm TB ± SD	F	p
Tuổi				
18 tuổi	221	25,93 ± 6,05	8,63	0,00
19 tuổi	491	27,26 ± 5,87		
20 tuổi	241	25,06 ± 5,65		
21 tuổi	367	26,29 ± 5,35		
22 tuổi	325	26,33 ± 6,69		
> 22 tuổi	42	22,24 ± 7,84		
Năm học				
Năm thứ 1	633	26,63 ± 6,07	1,78	0,13
Năm thứ 2	310	25,74 ± 5,7		
Năm thứ 3	396	26,02 ± 5,78		
Năm thứ 4	348	26,32 ± 6,55		

Nhận xét: Có mối liên quan giữa điểm trung bình sợ hãi của sinh viên đối với dịch Covid – 19

với tuổi của sinh viên, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

IV. BÀN LUẬN

Sợ hay sợ hãi là cảm xúc tiêu cực xuất hiện từ việc nhận thức các mối đe dọa. Đây là một cơ chế tồn tại cơ bản xảy ra trong phản ứng với một kích thích cụ thể, chẳng hạn như đau hoặc đe dọa nguy hiểm. Nói ngắn gọn, sợ là khả năng nhận ra nguy hiểm và chạy trốn khỏi nó hoặc chiến đấu chống lại [6].

Nỗi sợ hãi về Covid - 19 gây ra sự chậm trễ trong việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe hoặc thậm chí là tự tử. Để giảm thiểu, ngăn chặn sự lây lan Covid - 19 và những hậu quả bất lợi cho sức khỏe tâm thần, điều cần thiết là phát hiện các vấn đề tâm lý bất lợi như sợ hãi... và thực hiện các biện pháp can thiệp thích hợp ở giai đoạn đầu khi chúng xảy ra. Vì vậy chúng tôi sử dụng thang đo nhằm xác định mức độ sợ hãi của sinh viên. Kết quả bảng 2 cho thấy điểm trung bình chung mức độ sợ hãi của sinh viên theo thang đo là $26,26 \pm 6,048$. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của Jesús Muyor-Rodríguez và cộng sự (2021) [4], điểm trung bình sợ hãi của sinh viên lần lượt là $18,5 \pm 5,88$ và $16,7 \pm 5,3$, điều này có thể được lý giải là do khác nhau về đối tượng nghiên cứu, nghiên cứu của Jesús Muyor-Rodríguez được thực hiện trên sinh viên một trường đại học.

Nhóm nghiên cứu tiến hành tìm hiểu mối liên quan giữa đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu với sợ hãi của sinh viên đối với dịch Covid - 19, kết quả cho thấy có mối liên quan thống kê giữa tuổi và theo dõi sức khỏe thường xuyên của sinh viên với sợ hãi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi khác với kết quả của các nghiên cứu về nỗi sợ Covid - 19 được thực hiện ở Iran bởi Ahorsu và cộng sự (2020) [2], tại Ý bởi Soraci và cộng sự (2020) [7] và ở Bangladesh bởi Sakib và cộng sự (2020) [5], nơi tuổi được coi là không đáng kể và các cá nhân ở mọi lứa tuổi cảm thấy bị đe dọa.

Chúng tôi chưa tìm thấy mối liên quan thống kê giữa giới tính và năm học với sợ hãi của sinh viên, kết quả này của chúng tôi tương đồng với kết quả nghiên cứu của Ilango Saraswathi và cộng sự (2020) [3] điều tra về ảnh hưởng của nhân khẩu học đến sức khỏe tâm thần cho thấy sự gia tăng mức độ lo lắng và căng thẳng trong dân số nghiên cứu không bị ảnh hưởng bởi giới tính, năm học. Kết quả cho thấy phản ứng của sinh viên y khoa đối với đại dịch COVID-19 về

mức độ lo lắng và căng thẳng là tương tự nhau, không phân biệt giới tính, năm học. Nghiên cứu của chúng tôi có kết quả khác với kết quả nghiên cứu của Ricardo Campos và cộng sự (2021) [1] cho thấy năm đầu tiên và năm cuối khóa đào tạo đạt điểm cao hơn đối với nỗi sợ hãi về Covid - 19, sốt ruột, trầm cảm, lo lắng và sức khỏe tâm thần tổng thể, nghiên cứu của Tzur Bitan và cộng sự (2020) [8] giới tính có liên quan tích cực với nỗi sợ hãi COVID-19, với những người tham gia là nữ báo cáo tỷ lệ sợ hãi cao hơn so với những người tham gia là nam giới. Xem xét theo sự khác biệt về giới tính cho thấy, đại dịch COVID-19 có tác động xấu đến phụ nữ nhiều hơn nam giới vì phụ nữ có xu hướng biểu hiện nhiều triệu chứng căng thẳng sau chấn thương hơn, cũng như có mức độ stress cấp tính, lo âu, trầm cảm cao hơn nam [1].

V. KẾT LUẬN

Thực trạng tác động của dịch Covid - 19 tới tâm lý của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng năm 2021 và một số yếu tố liên quan:

Điểm trung bình chung sự sợ hãi về Covid 19 là $26,26 \pm 6,048$, trong đó mức độ sợ hãi thấp chiếm 42,3% và mức độ sợ hãi cao là 57,7%.

Có mối liên quan thống kê giữa tuổi, kiến thức và theo dõi sức khỏe thường xuyên với sự sợ hãi về Covid - 19 của sinh viên, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Campos, Ricardo et al (2021). "Impact of COVID-19 on the Mental Health of Medical Students in Portugal", Journal of Personalized Medicine. 11(10), 986.
2. Daniel Kwasi Ahorsu, Chung-Ying Lin, Vida Imani, et al (2020). "The Fear of COVID-19 Scale: Development and Initial Validation", International journal of mental health and addiction, 1-9. doi:10.1007/s11469-020-00270-8.
3. Ilango Saraswathi et al. "Impact of COVID-19 outbreak on the mental health status of undergraduate medical students in a COVID-19 treating medical college: a prospective longitudinal study", PeerJ, 8:e10164. doi: 10.7717
4. Muyor-Rodríguez, Jesús, Caravaca-Sánchez, Francisco et al (2021). "COVID-19 Fear, Resilience, Social Support, Anxiety, and Suicide among College Students in Spain", Int J Environ Res Public Health, 18 (15), 8156.
5. Najmuj Sakib et al (2020). "The COVID-19 pandemic and serious psychological consequences in Bangladesh: A population-based nationwide study", Elsevier Public Health Emergency Collection, 279: 462-472
6. Ohman, A. (2000). "Fear and anxiety: Evolutionary, cognitive, and clinical perspectives", Handbook of emotions, 2, 573 - 593

7. Paolo Soraci et al (2020). "Validation and Psychometric Evaluation of the Italian Version of the Fear of COVID-19 Scale", Int J Ment Health Addict, 1-10. doi:10.1007/s11469-020-00277-1

8. Tzur Bitan, et al (2020). "Fear of COVID-19 scale: Psychometric characteristics, reliability and validity in the Israeli population", Psychiatry Research, 289, 113100.

HÀNH VI SỬ DỤNG KHẨU TRANG Y TẾ Ở NHÂN VIÊN Y TẾ TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN TRONG LÀN SÓNG DỊCH THỨ 2 TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Phạm Lê An^{1,2}, Trần Ngọc Đăng^{2,3}, Đỗ Thị Hoài Thương², Nguyễn Thị Minh Trang³, Nguyễn Trường Viên⁴, Nguyễn Thị Tường Vy⁵, Nguyễn Thị Thu Thảo², Trần Bảo Vy², Lâm Sơn Bảo Vi⁴, Nguyễn Tấn Tiến^{6,7}, Trần Diệp Tuấn³

TÓM TẮT

Nghiên cứu cắt ngang nhằm mô tả hành vi sử dụng khẩu trang y tế của nhân viên y tế (NVYT) trong làn sóng dịch thứ 2 tại các bệnh viện (BV) tuyến đầu chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2020 bằng bộ câu hỏi tự điền. Kết quả ghi nhận 204 NVYT tham gia khảo sát và tỷ lệ tuyệt đối là 99% NVYT sử dụng khẩu trang y tế và toàn bộ NVYT đều tin rằng sử dụng khẩu trang y tế có thể giúp phòng ngừa lây nhiễm COVID-19. Trong đó, một số ít NVYT có tâm lý chủ quan về nguy cơ nhiễm COVID-19, mặc dù tỷ lệ lo lắng về hậu quả nếu bị nhiễm bệnh vẫn cao. Kết quả cũng cho thấy nguyên nhân chủ yếu về rào cản của việc đeo khẩu trang là cảm thấy khó thở và bị ngứa, kích ứng da khi đeo khẩu trang (chiếm khoảng 2/3). Ngoài ra, các yếu tố như tâm lý đám đông và nội quy của bệnh viện về việc mang khẩu trang sẽ giúp tăng ý thức tuân thủ mang khẩu trang tại các bệnh viện.

Từ khóa: khẩu trang y tế, COVID-19, bệnh viện tuyến đầu, nhân viên y tế

SUMMARY

BEHAVIOR OF USING FACE MASKS AMONG HEALTHCARE WORKERS AND RELATED

¹Trung tâm Đào tạo Bác sĩ gia đình, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

²Trung tâm Hỗ trợ dự án và Đổi mới sáng tạo, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

³Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

⁴Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, TP. Hồ Chí Minh

⁵Tạp chí MedPharmRes, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

⁶Phòng thí nghiệm Trọng Điểm Quốc gia - Điều Khiển Số & Kỹ Thuật Hệ Thống (DCSELab), Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

⁷Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Lê An

Email: phamlean@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 20.5.2022

Ngày phản biện khoa học: 30.6.2022

Ngày duyệt bài: 8.7.2022

FACTORS DURING THE COVID-19 PANDEMIC IN THE 2nd EPIDEMIC WAVE IN HO CHI MINH CITY, VIETNAM

A cross-sectional study to describe the use of face masks by medical staff during the second wave of epidemics at frontline hospitals in Ho Chi Minh City (HCMC) from June to October 2020 with a self-completed questionnaire. The results recorded that 204 health workers participated in the survey and the total rate was 99% of health workers using medical masks, and all health workers believed that using medical masks could help prevent COVID-19 infection. A few health workers have a subjective mentality about the risk of COVID-19 disease, although the percent of worrying about the consequences if infected is still high. The results also show that the leading cause of the barrier to wearing a mask is feeling short of breath and having itching and skin irritation when wearing a mask (accounting for about two-thirds). In addition, factors such as crowd psychology and hospital rules about wearing masks will help increase the awareness of mask-wearing compliance in hospitals.

Keywords: face masks, COVID-19, frontline hospitals, medical staff

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đầu tháng 1, năm 2020 đại dịch COVID-19 bùng phát lần đầu tiên tại Vũ Hán, thủ phủ của tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc và trở thành đại dịch toàn cầu [1]. Trong hơn hai năm, trận đại dịch này đã và đang ảnh hưởng đến mọi người trên khắp thế giới với những hậu quả không thể lường trước được đối với mọi khía cạnh của cuộc sống và sức khỏe, cũng như những tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tính đến ngày 04/04/2022 đã có hơn 491,561,016 trường hợp nhiễm được ghi nhận tại hơn 227 quốc gia hoặc vùng lãnh thổ trên toàn thế giới với 6,175,684 trường hợp tử vong [2]. Việt Nam đã trải qua 4 làn sóng lây nhiễm COVID-19, trong 3 làn sóng lây nhiễm đầu tiên,